

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HN ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994; Địa chỉ: D Đường B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Lê Quốc T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: D Đường B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn 138, quyển số 01/2013 ngày 02/12/2013. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu

thuần kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T và ông T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 đã không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 xác nhận trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Ngọc Kỳ D (Nữ), sinh ngày 12/03/2016, cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con giữa bà T và ông T1 là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyền số 01/2013 do UBND phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2013).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Lê Quốc T1 có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Ngọc Kỳ D (Nữ), sinh ngày 12/03/2016, cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Lê Quốc T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Lê Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số

tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23P, số: 0037043 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân